

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *114*/QĐ-CTHADS

Bình Thuận, ngày *12* tháng *5*... năm *2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Phụ trách kế toán ngân sách và các Chi cục Thi hành án dân sự trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Tổng cục THADS-VKHTC;
- Lãnh đạo Cục THADS;
- Lưu :VT, kế toán HCSN.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Văn Bình

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận
Chương: 014

DỰ TOÁN NHỤ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số *44* /QĐ-CTHADS ngày *12/5* của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐV tính: triệu đồng

| Số TT | Nội dung | Tổng số được giao | Tổng số đã phân bổ | Văn phòng Cục THADS tỉnh | Chi cục THADS TP. Phan Thiết | Chi cục THADS huyện Phú Quý | Chi cục THADS thị xã La Gi | Chi cục THADS huyện Hàm Tân | Chi cục THADS huyện Tân Linh | Chi cục THADS huyện Tân Cảnh | Chi cục THADS huyện Tuy Phong | Chi cục THADS huyện Bắc Bình | Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Nam | Chi cục THADS huyện Đức Linh | Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc |
|-------|---|-------------------|--------------------|--------------------------|------------------------------|-----------------------------|----------------------------|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|-----------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4=sum(5:15) | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | |
| A | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | | | | | | | | | | | | | | |
| I | Số thu phí, lệ phí | 6.182,31 | 6.182,31 | 718,043 | 744,285 | 7.258 | 452,739 | 339,328 | 454,628 | 574,071 | 518,321 | 1.100,451 | 685,220 | 587,969 | |
| 2 | Phí Thi hành án dân sự | 6.182,31 | 6.182,31 | 718,04 | 744,29 | 7,26 | 452,74 | 339,33 | 454,63 | 574,07 | 518,32 | 1.100,45 | 685,22 | 587,97 | |
| II | Chi từ nguồn thu phí được để lại | 2.696,76 | 2.696,76 | 313,222 | 324,66 | 3,17 | 197,49 | 148,02 | 198,31 | 250,41 | 226,10 | 480,02 | 298,90 | 256,48 | |
| I | Chi quản lý hành chính | 2.696,76 | 2.696,76 | 313,222 | 324,66 | 3,17 | 197,49 | 148,02 | 198,31 | 250,41 | 226,10 | 480,02 | 298,90 | 256,48 | |
| a | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 2.696,76 | 2.696,76 | 313,222 | 324,66 | 3,17 | 197,49 | 148,02 | 198,31 | 250,41 | 226,10 | 480,02 | 298,90 | 256,48 | |
| b | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| III | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước | 3.200,43 | 3.200,43 | 371,71 | 385,30 | 3,76 | 234,37 | 175,66 | 235,35 | 297,18 | 268,32 | 569,68 | 354,72 | 304,38 | |
| I | Phí Thi hành án dân sự | 3.200,43 | 3.200,43 | 371,71 | 385,30 | 3,76 | 234,37 | 175,66 | 235,35 | 297,18 | 268,32 | 569,68 | 354,72 | 304,38 | |
| B | Dự toán chi ngân sách nhà nước | 29.899 | 29.899 | 7.949 | 3.369 | 1.530 | 2.631 | 1.647 | 1.947 | 2.508 | 1.939 | 1.749 | 1.973 | 2.656 | |

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Văn phòng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận

Chương: 014

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 114/QĐ-CTHADS ngày 12/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung | Dự toán được giao |
|------------|--|-------------------|
| 1 | 2 | 3 |
| A | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | |
| I | Số thu phí, lệ phí | 718,04 |
| 2 | Phí Thi hành án dân sự | 718,04 |
| II | Chi từ nguồn thu phí được để lại | 313,22 |
| 2 | Chi quản lý hành chính | 313,22 |
| a | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 313,22 |
| b | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | |
| III | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước | 371,71 |
| 2 | Phí Thi hành án dân sự | 371,71 |
| B | Dự toán chi ngân sách nhà nước | 7.949,33 |
| I | Nguồn ngân sách trong nước | 7.949,33 |
| 1 | Chi quản lý hành chính | 7.949,33 |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ | 5.389,25 |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ | 2.560,08 |
| 2 | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề | |
| 2.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên | |
| 2.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên | |

